

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD24B3
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Pháp luật chuyên ngành kế toán(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Kinh tế học vi mô(2)	Kỹ năng mềm(2)	Marketing(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2453403020112	Lương Huỳnh	Anh	11/11/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
02	2453403020113	Phan Thanh Hào	Anh	21/02/2009	8.6	9.2	9.6	6.3	8.6	5.6	7.6	7.4	Khá
03	2453403020114	Bùi Tuấn	Cảnh	06/07/2009	8.5	7.9	8.8	5.7	7.9	5.3	5.9	6.6	Trung bình
04	2453403020115	Thái Thị Kim	Cương	22/07/2009	6.4	7.6	8.8	6.9	8.1	6.3	8.6	7.7	Khá
05	2453403020116	Lê Nguyễn Hà	Giang	23/08/2009	8.0	9.0	8.7	5.7	8.5	7.5	8.9	7.7	Khá
06	2453403020117	Nguyễn Trần Trúc	Giang	20/03/2009	7.3	7.0	7.0	5.9	7.2	0.0	7.1	5.5	Trung bình
07	2453403020118	Phan Thị Bích	Hạnh	22/11/2009	6.3	7.8	7.2	7.3	6.5	6.2	5.7	6.6	Trung bình
08	2453403020119	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	18/08/2009	8.6	6.0	6.3	6.6	6.9	0.0	2.0	4.6	Yếu
09	2453403020120	Trần Thanh	Hòa	07/09/2009	6.8	7.1	9.3	7.4	7.8	6.7	7.0	7.6	Khá
10	2453403020121	Võ Thành	Huy	15/09/2009	7.5	8.5	9.9	6.9	8.3	6.5	6.5	7.6	Khá
11	2453403020122	Lê Khánh	Hung	08/01/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
12	2453403020123	Nguyễn	Hung	06/06/2009	9.2	6.9	6.6	6.7	6.2	7.6	2.0	5.9	Trung bình
13	2453403020124	Nguyễn Chí	Khang	11/10/2007	7.0	7.1	7.3	6.2	7.0	4.9	6.7	6.4	Trung bình
14	2453403020125	Lê Thị Diễm	Kiều	29/09/2009	4.0	1.7	0.0	0.0	0.0	0.0	1.2	0.2	Yếu
15	2453403020126	Lê Thị Kim	Liên	23/02/2009	6.2	6.9	9.4	7.4	2.0	0.6	6.1	5.3	Trung bình
16	2453403020127	Trần Thị Trúc	Ngà	27/10/2009	5.2	7.4	9.1	7.3	8.4	6.8	6.1	7.5	Khá
17	2453403020128	Trần Thị Thanh	Ngân	22/09/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
18	2453403020129	Trần Thị Hồng	Ngọc	26/07/2008	6.6	8.1	9.9	7.5	8.7	7.0	7.2	8.0	Giỏi
19	2453403020130	Trần Thị Yên	Oanh	01/10/2004	8.1	9.1	9.8	8.8	9.5	6.7	7.5	8.5	Giỏi
20	2453403020131	Châu Thiện	Phát	07/09/2009	7.7	6.7	6.7	6.4	8.6	7.4	5.4	6.9	Trung bình
21	2453403020132	Huỳnh Thị Kim	Phụng	04/09/2009	9.3	6.8	8.2	4.2	6.3	6.5	5.6	6.0	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Pháp luật chuyên ngành kế toán(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Kinh tế học vi mô(2)	Kỹ năng mềm(2)	Marketing(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2453403020133	Lê Ngọc Phi	Phụng	21/01/2009	7.4	7.9	9.5	6.3	6.3	6.0	6.2	6.8	Trung bình
23	2453403020134	Trần Hữu	Sang	28/10/2009	7.8	6.5	9.3	4.0	6.5	5.9	5.4	6.0	Trung bình
24	2453403020135	Lê Hữu	Tài	27/03/2009	0.0	0.2	0.0	0.0	0.0	0.0	1.3	0.2	Yếu
25	2453403020136	Dương Ngọc Thanh	Tâm	16/06/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
26	2453403020137	Nguyễn Thanh	Thuận	21/02/2009	7.6	7.2	9.3	4.1	7.7	5.9	6.4	6.4	Trung bình
27	2453403020138	Quách Kim	Thuận	12/09/2009	6.6	5.7	7.0	3.5	5.3	0.0	2.0	3.6	Yếu
28	2453403020139	La Anh	Thư	28/01/2006	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
29	2453403020140	Võ Thị Cẩm	Tiên	11/02/2009	8.9	9.0	9.6	8.0	8.8	7.4	8.0	8.3	Giỏi
30	2453403020141	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	06/04/2009	6.3	6.5	9.1	7.7	7.1	6.4	7.0	7.5	Khá
31	2453403020142	Lại Thị Hoàng	Trúc	03/07/2009	5.7	6.3	8.7	5.9	6.9	5.6	5.9	6.5	Trung bình
32	2453403020143	Nguyễn Thị Diễm	Trúc	29/11/2009	2.5	3.5	3.7	0.0	0.0	0.0	2.3	1.1	Yếu
33	2453403020144	Lê Thị	Vương	24/10/1991	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
34	2453403020145	Mai Vũ	Vy	19/04/2009	2.2	2.1	3.1	2.8	0.0	0.0	2.2	1.7	Yếu
35	2453403020146	Nguyễn Lê Ngọc Tường Vy		03/07/2009	6.7	6.6	7.1	6.4	6.9	5.6	5.5	6.3	Trung bình
36	2453403020147	Lê Trần Tuấn	Vỹ	12/09/2009	5.2	6.1	6.9	5.7	8.4	6.1	6.6	6.6	Trung bình
37	2453403020148	Lê Thị Mỹ	Yên	17/03/2008	5.2	7.7	9.4	8.0	8.6	6.7	7.6	8.1	Giỏi
38	2453403020149	Nguyễn Thị Như	Ý	01/01/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu

*Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 06 tháng 02 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái